TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2024/KDTM-PT
Ngày: 25- 3- 2024.
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Mai Thị Thanh Tú

Các Thẩm phán:

1/ Ông Lê Công Toại.

2/ Bà Lưu Thị Đoan Trang.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Kim Oanh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thuận Hòa– Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 15/KDTM-PT ngày 10/01/2024 về việc: "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 50/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 967a/2024/QĐXX-PT ngày 24/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng công ty vật liệu xây dựng S - Công ty cổ phần;

Địa chỉ trụ sở: Tầng 15 tòa nhà T 111A Pasteur, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1979; *(có mặt)*

Địa chỉ: Căn hộ D Chung cư J – Đ, Số 60, Đường T, phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 364/UQ-TCT ngày 30/12/2022);

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thép P;

Địa chỉ trụ sở: 184/27C T, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Ngô Bửu Quốc B, sinh năm:1979; *(có mặt)*

Địa chỉ: 90/16 G, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 1704/UQ-TTP ngày 17/4/2023)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Luật sư Lê Văn D- Công ty Luật TNHH S. *(có mặt)*

Do có kháng cáo của: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thép P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Tổng công ty vật liệu xây dựng S – Công ty cổ phần có ông Nguyễn Văn L đại diện trình bày:

Từ ngày 05/4/2022 Tổng công ty vật liệu xây dựng S – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Tổng công ty vật liệu xây dựng S) xuất bán lượng thép cho Công ty TNHH Thép P (Sau đây gọi tắt là Công ty TNHH Thép P) với tổng giá trị là 3.133.815.235 đồng. Tổng công ty vật liệu xây dựng S đã xuất hóa đơn và thủ tục giao hàng đầy đủ theo yêu cầu cho bị đơn.

Căn cứ vào Bảng báo giá Tổng công ty vật liệu xây dựng S đã xuất bán cho Công ty TNHH Thép P một lô hàng trị giá 3.133.815.235 đồng. Tính đến ngày 31/01/2023, Công ty TNHH Thép P đã thanh toán cho Tổng công ty vật liệu xây dựng S số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, theo đó Tổng công ty vật liệu xây dựng S đã cấn trừ thêm tiền cọc 300.000.000 đồng (10% giá trị đơn hàng) nên Công ty TNHH Thép P còn nợ lại số tiền gốc là 3.133.815.235 đồng – 1.500.000.000 đồng = 1.633.815.235 đồng.

Số hàng tương đương số tiền 1.633.815.235 đồng vẫn để lại kho của Tổng công ty vật liệu xây dựng S . Tổng công ty vật liệu xây dựng S đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền này và lấy hàng nhưng do giá sắt thép xuống thấp Công ty TNHH Thép P không thanh toán và không lấy hàng. Tổng công ty vật liệu xây dựng S đang chịu chi phí bảo quản hàng hóa và chi phí di dời hàng hóa do số hàng này Tổng công ty vật liệu xây dựng S cũng không thể bán cho đơn vị khác.

Tại Văn bản số 2908/CV-FC ngày 20/10/2022 của Công ty TNHH Thép P khẳng định số hàng hóa này của Công ty TNHH Thép P và đề nghị trả lại hàng hóa cho Tổng công ty vật liệu xây dựng S . Công ty TNHH Thép P cũng đồng ý chia đôi phần lỗ tương ứng giá thị trường.

Tổng công ty vật liệu xây dựng S và Công ty TNHH Thép P không có hợp đồng thỏa thuận việc tính lãi chậm thanh toán. Do đó, Tổng công ty vật liệu xây dựng S yêu cầu xem xét tính lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2

Điều 468 BLDS 2015 là 10%/năm trên số tiền còn nợ. Tạm tính đến ngày 31/01/2023 tiền lãi là 22.342.633 đồng.

Nay nguyên đơn Tổng công ty vật liệu xây dựng S yêu cầu Công ty TNHH Thép P thanh toán số tiền gốc còn nợ là 1.633.815.235 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 31/01/2023 là 22.342.633 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH Thép P có ông Ngô Bửu Quốc Bảo đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH Thép P ghi nhận có Bảng báo giá thép ngày 14/3/2022 của Tổng công ty vật liệu xây dựng S. Công ty TNHH Thép P đã thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là 1.500.000.000 đồng tương ứng với số hàng Công ty TNHH Thép P đã nhận theo các biên bản giao nhận hàng. Theo đó số tiền hàng là 1.492.445.991 đồng. Như vậy, Tổng công ty vật liệu xây dựng S còn nợ bên Công ty TNHH Thép P số tiền là 7.554.009 đồng. Công ty TNHH Thép P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/KDTM-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân quận 3 đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Tổng công ty vật liệu xây dựng S – Công ty Cổ phần.

Bị đơn Công ty TNHH Thép P có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Tổng công ty vật liệu xây dựng S – Công ty Cổ phần số tiền: 1.648.737.300 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm đồng) trong đó tiền gốc là: 1.633.815.235 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 14.922.065 đồng), trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH Thép P có trách nhiện nhận hàng còn lại theo thỏa thuận tại Bảng báo giá ngày 14/3/2022 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 931 ngày 05/4/2022.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, lãi chậm thi hành án.

Ngày 09/10/2023 bị đơn Công ty TNHH Thép P kháng cáo bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

* Đại diện Nguyên đơn – Tổng công ty vật liệu xây dựng S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện bị đơn Công ty TNHH Thép P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Bị đơn hủy bản án sơ thẩm.

***** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phân tích và xác định: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn có trách nhiệm nhận hàng còn lại là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn; không thu thập chứng cứ lãi

suất liên Ngân hàng; buộc bị đơn phải nhận hàng và phải trả tiền là không đúng do vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở.

Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Thép P là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Thép P còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 14/3/2022 Tổng công ty vật liệu xây dựng S gửi Bảng báo giá cho Công ty TNHH Thép P theo đó Bảng báo giá có nội dung thông tin về hàng hóa, đơn giá, phương thức giao hàng, thời gian thanh toán... Trong đó có nội dung "*Bảng báo giá có xác nhận của hai bên được xem như hợp đồng mua bán được ký qua fax hay ký bản chính đều có giá trị pháp lý như nhau*" có xác nhận ký tên, đóng dấu của Tổng công ty vật liệu xây dựng S và Công ty TNHH Thép P.

Căn cứ Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 quy định về Hình thức hợp đồng mua bán hàng hoá: "*1. Hợp đồng mua bán hàng hoá được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể*."

Do đó, xác định Tổng công ty vật liệu xây dựng S và Công ty TNHH Thép P có hợp đồng thỏa thuận về việc mua bán hàng hóa là thép tấm theo Bảng báo giá ngày 14/03/2022.

Căn cứ Điều 56 Luật Thương mại: "*Bên mua có nghĩa vụ nhận hàng theo thỏa thuận và thực hiện những công việc hợp lý để giúp bên bán giao hàng*."

Tại Mục 3 Bảng báo giá ngày 14/3/2022 có nội dung: Phương thức giao hàng: người nhận hàng - bên mua cung cấp giấy giới thiệu; thời gian nhận hàng chậm nhất đến ngày 19/3/2022 tại kho hàng Tổng công ty vật liệu xây dựng S Bình Chánh, tuy nhiên Công ty TNHH Thép P không đến nhận hàng theo thời gian và địa điểm đã nêu là vi phạm nghĩa vụ nhận hàng quy định tại Điều 56 Luật Thương mại năm 2005. Do vậy, Bị đơn Công ty TNHH Thép P phải có trách nhiệm nhận hàng còn lại theo Bảng báo giá ngày 14/03/2022.

Tại mục 2 của Bảng báo giá ngày 14/3/2022 có nội dung: "*Số lượng, giá trị: bên mua thanh toán cho bên bán căn cứ vào biên bản giao nhận hàng thực tế và hóa đơn tài chính Bên bán xuất cho bên mua.*"

Ngày 05/4/2022, Tổng công ty vật liệu xây dựng S xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 931 cho người mua hàng là Công ty TNHH Thép P với số tiền thanh toán là 3.133.815.235 đồng tuy nhiên không xuất trình đầy đủ Biên bản giao hàng thực tế. Xét thấy, việc Tổng công ty vật liệu xây dựng S không có các chứng từ giao hàng thực tế là do Công ty TNHH Thép P vi phạm nghĩa vụ nhận hàng theo thỏa thuận do vậy số lượng hàng và giá trị bên mua thanh toán cho bên bán theo Bảng báo giá ngày 14/03/2022 và Hóa đơn số 931 ngày 05/4/2022 là có cơ sở.

Tại Công văn số 2908/CV-FC ngày 20/10/2022 của Công ty TNHH Thép P gửi Tổng công ty vật liệu xây dựng S - Công ty cổ phần về việc đề nghị hỗ trợ lượng hàng còn lại chưa lấy và công nợ quá hạn thì Công ty TNHH Thép P xác nhận:" *Công ty TNHH Thép P còn lưu kho tổng cộng là 73.617,30kg hàng hóa, tổng giá trị tiền hàng còn lại là 1.641.369.246 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi sáu đồng), công nợ theo Hóa đơn 931 đã xuất còn lại là 1.633.815.235 đồng*" Như vậy, Công ty TNHH Thép P xác nhận số lượng hàng hóa chưa nhận và số công nợ còn lại theo Hóa đơn 931 là phù hợp với ý kiến trình bày của nguyên đơn.

Từ những nhận định nêu trên có cở sở xác định Công ty TNHH Thép P vi phạm nghĩa vụ nhận hàng với giá trị tiền hàng còn lại là 1.641.369.246 đồng, giá trị tiền hàng còn phải thanh toán theo hóa đơn 931 và Công văn số 2908/CV-FC ngày 20/10/2022 nêu trên là 1.633.815.235đồng cho Tổng công ty vật liệu xây dựng S là vi phạm thỏa thuận mua bán hàng hóa, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty vật liệu xây dựng S buộc Công ty TNHH Thép P nhận số lượng hàng hóa còn lại và thanh toán số tiền 1.633.815.235 đồng là có cơ sở để HĐXX chấp nhận. Cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện Tổng công ty vật liệu xây dựng S là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tính lãi của Tổng công ty vật liệu xây dựng S thì HĐXX nhận thấy: Theo Bảng báo giá ngày 14/3/2022 hai bên không thỏa thuận việc việc trả lãi đối với số tiền vi phạm nghĩa vụ.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền*

hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty vật liệu xây dựng S buộc Công ty TNHH Thép P trả tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Tổng công ty vật liệu xây dựng S yêu cầu Công ty TNHH Thép P thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền hàng mà Công ty TNHH Thép P đã nhận theo lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là 14.922.065đồng là thấp hơn lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng thương mại: Theo Văn bản số 1239 ngày 13/9/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn; Văn bản số 10139 ngày 19/9/2023 của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản số 5228 ngày 18/9/2023 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh), theo Điều 306 Luật Thương mại, có lợi cho Công ty TNHH Thép P nên có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ lãi suất liên Ngân hàng là có thiếu sót nhưng cấp phúc thẩm bổ sung được nên việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Công ty TNHH Thép P đề nghị hủy án sơ thẩm là không cần thiết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Công ty TNHH Thép P đề nghị hủy án sơ thẩm với các lý do nêu trên là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

Tại phiên tòa, Công ty TNHH Thép P cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thép P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thép P, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng tuyên xử theo Điều 468 BLDS là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại theo Điều 306 Luật Thương mại cho phù hợp.

[4] Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thép P không được chấp nhận nên Công ty TNHH Thép P phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 24, 56, 306 Luật Thương mại cùng các Điều luật đã viện dẫn;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thép P.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 50/2023/KDTM-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Tổng công ty vật liệu xây dựng S – Công ty Cổ phần.

Bị đơn Công ty TNHH Thép P có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Tổng công ty vật liệu xây dựng S – Công ty Cổ phần số tiền: 1.648.737.300 đồng (Một tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm đồng) trong đó tiền gốc là: 1.633.815.235 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 14.922.065 đồng), trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH Thép P có trách nhiện nhận hàng còn lại theo thỏa thuận tại Bảng báo giá ngày 14/3/2022 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 931 ngày 05/4/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí:

[2.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Thép P phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 61.462.119 đồng (Sáu mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn một trăm mười chín đồng).

- Tổng công ty vật liệu xây dựng S – Công ty Cổ phần không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho Tổng công ty vật liệu xây dựng S – Công ty Cổ phần số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 30.842.368 đồng (Ba mươi triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0008215 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

[2.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Thép P phải chịu số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000963 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.3;
- Chi cục THADS Q.3;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thanh Tú